

THÔNG TƯ

Quy định về loại bản tin và thời hạn dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn

Căn cứ Luật khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định loại bản tin và thời hạn dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Thông tư này quy định chi tiết khoản 3 Điều 22 của Luật khí tượng thủy văn.
- Thông tư này không áp dụng đối với các hoạt động dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn. Việc dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn quốc gia và tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến dự báo, cảnh báo khí tượng thủy

văn trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hiện tượng thời tiết nguy hiểm là trạng thái, diễn biến bất thường của thời tiết có thể gây thiệt hại về người, tài sản ảnh hưởng đến môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội.
2. Hiện tượng thủy văn nguy hiểm là trạng thái, diễn biến bất thường của các yếu tố thủy văn có thể gây thiệt hại về người, tài sản ảnh hưởng đến môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội.
3. Hiện tượng hải văn nguy hiểm là trạng thái, diễn biến bất thường của các yếu tố hải văn, trạng thái mặt biển có thể gây thiệt hại về người, tài sản ảnh hưởng đến môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội trên biển.
4. Sông lớn là sông có diện tích lưu vực từ 10.000 km² trở lên.

Chương II

QUY ĐỊNH CHI TIẾT

Mục 1

THỜI HẠN DỰ BÁO, CẢNH BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Điều 4. Thời hạn dự báo, cảnh báo thời tiết

1. Thời hạn cực ngắn: dự báo, cảnh báo đến 12 giờ.
2. Thời hạn ngắn: dự báo, cảnh báo từ trên 12 giờ đến 72 giờ.
3. Thời hạn vừa: dự báo, cảnh báo từ trên 03 ngày đến 10 ngày.
4. Thời hạn dài: dự báo, cảnh báo từ trên 10 ngày đến 30 ngày.
5. Thời hạn mùa (thời hạn khác): dự báo, cảnh báo từ trên 01 tháng đến 06 tháng.

Điều 5. Thời hạn dự báo, cảnh báo thủy văn

1. Thời hạn cực ngắn:
 - a) Đối với các sông vừa và nhỏ: dự báo, cảnh báo dưới 06 giờ;
 - b) Đối với các sông lớn: dự báo, cảnh báo dưới 12 giờ.

2. Thời hạn ngắn:

- a) Đối với các sông vừa và nhỏ: dự báo, cảnh báo từ 06 giờ đến 24 giờ;
- b) Đối với các sông lớn, trừ sông Cửu Long: dự báo, cảnh báo từ 24 giờ đến 48 giờ;
- c) Đối với sông Cửu Long: dự báo, cảnh báo đến 05 ngày.

3. Thời hạn vừa:

- a) Đối với các sông, trừ sông Cửu Long: mùa lũ dự báo, cảnh báo đến 05 ngày và mùa cạn dự báo, cảnh báo đến 10 ngày;
- b) Đối với sông Cửu Long: cả mùa lũ và mùa cạn dự báo, cảnh báo đến 10 ngày.

4. Thời hạn dài: dự báo, cảnh báo từ trên 10 ngày đến 90 ngày.

5. Thời hạn mùa (thời hạn khác): dự báo, cảnh báo từ trên 03 tháng đến 06 tháng.

Điều 6. Thời hạn dự báo, cảnh báo hải văn

- 1. Thời hạn cực ngắn: dự báo, cảnh báo đến 12 giờ.
- 2. Thời hạn ngắn: dự báo, cảnh báo từ trên 12 giờ đến 72 giờ.
- 3. Thời hạn vừa: dự báo, cảnh báo từ trên 03 ngày đến 10 ngày.
- 4. Thời hạn dài: dự báo, cảnh báo từ trên 10 ngày đến 30 ngày.

Điều 7. Thời hạn dự báo khí hậu

- 1. Thời hạn ngắn: dự báo đến 01 năm.
- 2. Thời hạn vừa: dự báo từ trên 01 năm đến 10 năm.
- 3. Thời hạn dài: dự báo từ trên 10 năm đến 100 năm.

Điều 8. Thời hạn dự báo nguồn nước

- 1. Thời hạn ngắn: dự báo đến 07 ngày.
- 2. Thời hạn vừa: dự báo từ trên 07 ngày đến 30 ngày.
- 3. Thời hạn mùa (thời hạn khác): dự báo từ trên 01 tháng đến 06 tháng.
- 4. Thời hạn năm (thời hạn khác): dự báo từ trên 06 tháng trở lên đến 12 tháng.

Mục 2

LOẠI BẢNG TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Điều 9. Bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết

1. Bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết thời hạn cực ngắn: dự báo, cảnh báo các yếu tố khí tượng và hiện tượng khí tượng có khả năng xảy ra tại một địa điểm hoặc khu vực trong thời hạn dự báo. Nội dung bản tin phải có tối thiểu các thông tin về mô tả hiện trạng, dự báo về địa điểm xuất hiện, thời gian xuất hiện, cường độ hoặc giá trị yếu tố dự báo.

2. Bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết thời hạn ngắn, bao gồm các loại bản tin sau:

a) Bản tin phân tích xu thế thời tiết: Nội dung bản tin phải có tối thiểu các thông tin về mô tả hiện trạng, hình thế thời tiết và dự báo xu thế diễn biến thời tiết cho các khu vực;

b) Bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết trên đất liền: dự báo chi tiết các yếu tố khí tượng, hiện tượng khí tượng tại một địa điểm hoặc khu vực trên đất liền trong thời hạn dự báo và cảnh báo các hiện tượng thời tiết nguy hiểm có thể xảy ra. Nội dung bản tin phải có tối thiểu các thông tin về hiện tượng thời tiết, mây, nhiệt độ không khí, độ ẩm, hướng và tốc độ gió;

c) Bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết trên biển: dự báo chi tiết các yếu tố khí tượng, hiện tượng khí tượng tại một khu vực trên biển trong thời hạn dự báo và cảnh báo các hiện tượng thời tiết nguy hiểm có thể xảy ra. Nội dung bản tin phải có tối thiểu các thông tin về hiện tượng thời tiết, tầm nhìn xa, hướng và tốc độ gió, trạng thái mặt biển.

3. Bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết thời hạn vừa: gồm có bản tin phân tích xu thế thời tiết và bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết. Nội dung các bản tin này tương tự như nội dung bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết thời hạn ngắn.

4. Bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết thời hạn dài và thời hạn mùa: phân tích, đánh giá diễn biến thời tiết đến thời điểm hiện tại, nhận định về xu thế nền nhiệt độ, lượng mưa theo từng thời kỳ tại một địa điểm hay khu vực cụ thể so với giá trị trung bình nhiều năm, nhận định khả năng xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm trong thời hạn dự báo.

Điều 10. Bản tin dự báo, cảnh báo thủy văn